

Vietnam Daily Review

Trở về ngưỡng 1370 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/10/2021		•	
Tuần 11/10-15/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay đã giúp thị trường vượt ngưỡng 1370 điểm. Dòng tiền đầu tư co cụm vào 1 số ngành nhất định khi có 11/19 ngành tăng điểm. Các nhóm đóng góp vào đà tăng điểm của thị trường là: Công nghệ thông tin, Thực phẩm đồ uống và Hàng & Dịch vụ công nghiệp. Thanh khoản thị trường suy giảm và độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy tâm lý giao dịch cẩn trọng. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Với việc dòng tiền suy yếu trước vùng kháng cự 1370-1380 điểm, VN-Index có thể sẽ xuất hiện phiên điều chỉnh vào tuần sau và tiếp tục vận động tích lũy trong vùng 1350-1380 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/10/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: VSC_Tín hiệu tích lũy (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.74 điểm**, đóng cửa **1,372.73 điểm**. HNX-Index **+1.52 điểm**, đóng cửa **371.92 điểm**.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.22)**, **FPT (+1.16)**, **GAS (+0.72)** , **SAB (+0.71)**, **TCB (+0.66)**
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.57)**, **BVH (-0.14)**, **DCM (-0.12)**, **POW (-0.12)**, **VHM (-0.12)**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,878 tỷ đồng**, **-9.5%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,939 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 7.4 điểm. Thị trường có **187** mã tăng, 53 mã tham chiếu và **221** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-130.76 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (-75.4) tỷ**, **VNM (-56.5 tỷ)**, **PAN (-32.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.47 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1372.73**
Giá trị: 16877.77 tỷ **6.74 (0.49%)**
Khối ngoại (ròng): -130.76 tỷ

HNX-INDEX **371.92**
Giá trị: 1836.52 tỷ **1.52 (0.41%)**
Khối ngoại (ròng): -4.47 tỷ

UPCOM-INDEX **98.30**
Giá trị: 1776.81 tỷ **0.34 (0.35%)**
Khối ngoại (ròng): -28.95 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	79.6	1.60%
Giá vàng	1,756	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	22,763	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,295	-0.01%
Tỷ giá JPY/VND	20,331	-0.31%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	17.59%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.60%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HAH	72.7	HPG	-75.4
DHC	44.1	VNM	-56.5
VHM	38.5	QNS	-34.5
GAS	29.9	PAN	-32.3
KDH	26.1	SSI	-31.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 8/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	78.98	0.87%	4.10%	14.40%	83.55%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	82.52	0.70%	4.10%	14.90%	81.48%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	234.15	0.30%	4.10%	12.80%	92.38%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1759.27	0.20%	-0.10%	-1.70%	-7.74%		PNJ
Bạc	USD/ounce	22.52	-0.37%	-0.10%	-6.00%	-8.61%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1259.00	0.94%	1.00%	-1.60%	28.44%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	743.75	0.34%	-1.50%	4.80%	22.88%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.66	-0.43%	2.50%	6.00%	12.95%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	194.19	2.88%	4.10%	1.10%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.84	0.35%	-2.50%	-1.50%	47.95%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	197.90	2.30%	2.00%	2.00%	67.85%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9280.00	2.59%	3.80%	-0.80%	38.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	894.11	2.01%	4.90%	9.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	901.41	1.83%	4.80%	4.60%			
Nhôm	USD/ton	2946.00	1.69%	3.10%	6.90%	63.26%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	112.85	0.04%	7.50%	-14.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	220.90	-4.58%	3.70%	32.20%	243.28%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• HĐTL dầu thô Brent tăng 87 US cent tương đương 1,1% lên 81,95 USD/thùng. Giá dầu thô Tây Texas WTI tăng 87 US cent tương đương 1,1% lên 78,3 USD/thùng.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,3% xuống 1.757,3 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn New York giảm 0,2% xuống 1.759,2 USD/ounce.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 3/2022 trên sàn Osaka giảm 0,4 JPY tương đương 0,2% xuống 214,1 JPY/kg

Giá nông sản

• Tại New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2021 tăng 4,45 US cent tương đương 2,3% lên 1,979 USD/lb. Tại London, giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2021 tăng 3 USD tương đương 0,1% lên 2.119 USD/tấn.

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2022 trên sàn ICE tăng 0,07 US cent tương đương 0,4% lên 19,84 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn London tăng 2 USD tương đương 0,4% lên 510,5 USD/tấn.

	8/10	% 8/10	7/10	% 7/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1372.73	0.49%	1365.99	0.23%	2.83%	2.93%
S&P 500			4399.76	0.83%	2.14%	-2.66%
HĐTL S&P500	4388.00	-0.05%	4390.00	0.83%	1.02%	-2.56%
Shang- hai	3592.17	0.67%	3568.17	0.90%	-0.58%	1.81%
Euro Stoxx	4083.57	-0.36%	4098.34	2.14%	1.20%	-2.24%

Phân tích kỹ thuật
VSC_Tín hiệu tích lũy

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp cắt lên đường tín hiệu.
 - Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VSC đang nằm trong nhịp hồi phục ngắn hạn từ ngưỡng giá 60.0. Thanh khoản cổ phiếu đã trở lại ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng hồi phục trong khi chỉ báo MACD đang cho thấy tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu vẫn đang nằm dưới 2 đường MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá mạnh vẫn chưa đc xác lập. Nhà đầu tư trung – dài hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 62.5, chốt lãi tại ngưỡng 70.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 60.0.

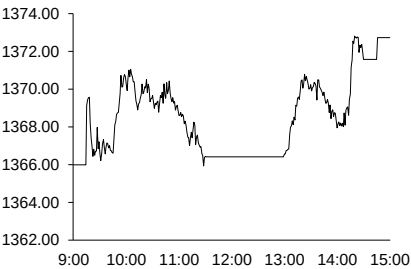
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	3.97%
Thực phẩm và đồ uống	1.51%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.94%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.80%
Ngân hàng	0.50%
Truyền thông	0.40%
Bán lẻ	0.39%
Bất động sản	0.38%
Dịch vụ tài chính	0.32%
Du lịch và Giải trí	0.19%
Y tế	0.08%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.00%
Dầu khí	-0.01%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.27%
Xây dựng và Vật liệu	-0.28%
Bảo hiểm	-0.78%
Ô tô và phụ tùng	-0.91%
Hóa chất	-1.30%

Hình 1

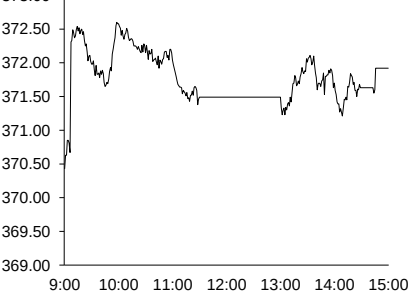
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

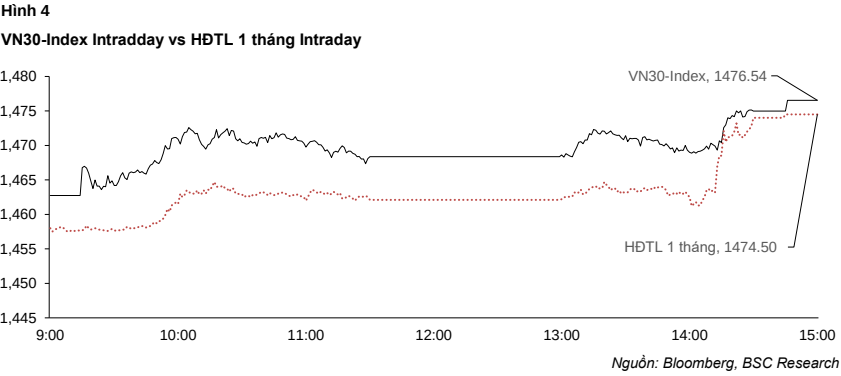
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/10/2021	TIP	43.3	48	41	43.1	1	-0.46%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/10/2021	DRC	33.7	37	31.3	33.3	2	-1.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/10/2021	VGC	34.65	38.5	32.5	34.9	3	0.72%	Có thể tiếp tục mua
4/10/2021	GVR	37.1	44.5	36	37.65	4	1.48%	Có thể tiếp tục mua
1/10/2021	CII	18.5	20.5	17.7	18.95	7	2.43%	Có thể tiếp tục mua
30/9/21	EVG	12.15	14	11.2	12.35	8	1.65%	Có thể tiếp tục mua
29/9/21	NT2	20.8	23.5	20	21.95	9	5.53%	Có thể tiếp tục mua
28/9/21	HPG	52.6	61.2	50.2	55.7	10	5.89%	Có thể tiếp tục mua
24/9/21	TCH	18.05	21	17	17.05	14	-5.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
20/9/21	VNM	88.7	95	85	89.6	18	1.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/9/21	VRE	28.55	32	27	29.15	23	2.10%	Có thể tiếp tục mua
13/9/21	KDH	41.25	45.5	39.5	43.55	25	5.58%	Có thể tiếp tục mua
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	56.9	29	9.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/8/21	PVS	24.96	30.84	23.61	28.4	38	13.78%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	18	52	13.21%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	15.35	57	14.98%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	SL	8	-18.67%
30/8/21	APH	53.7	67	47	SL	10	-12.48%
27/8/21	HBC	13.81	16.19	12.86	TP	38	17.23%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	TP	-4	20.00%
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	3	6.02%	-2.40%	4.44%	19
Cổ phiếu đã chốt	190	127	14.07%	-7.88%	5.28%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1474.50	1.35%	-2.04	25.4%	118,668	10/21/2021	13
VN30F2111	1468.50	1.17%	-8.04	94.4%	385	11/18/2021	41
VN30F2112	1468.00	1.24%	-8.54	55.6%	28	12/16/2021	69
VN30F2203	1465.00	1.05%	-11.54	44.9%	71	3/17/2022	160

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +13.80 điểm lên 1476.54 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VCB, HPG, TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1470 điểm, trước khi tăng mạnh cuối phiên lên trên 1475 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2103	1/7/2022	91	5:1	652,400	32.59%	3,000	2,750	21.15%	1,290	2.13	115,000	100,000	98,900
CKDH2104	1/19/2022	103	2:1	848,100	33.41%	3,500	2,380	11.74%	1,572	1.51	51,000	44,000	43,550
CFPT2104	12/6/2021	59	9.89:1	694,100	32.59%	3,000	2,730	7.48%	2,076	1.32	110,000	80,000	98,900
CFPT2105	1/6/2022	90	4.95:1	1,315,600	32.59%	3,500	4,000	5.54%	3,236	1.24	103,500	86,000	98,900
CPNJ2105	1/6/2022	90	5:1	692,200	31.79%	3,300	2,280	4.59%	1,858	1.23	26,000	9,500	99,500
CVNM2109	1/6/2022	90	5:1	900,100	25.92%	2,150	1,610	3.87%	574	2.81	105,750	95,000	89,600
CMSN2105	1/6/2022	90	5:1	240,600	40.54%	5,000	4,790	3.68%	4,583	1.05	153,000	128,000	145,500
CHPG2109	1/10/2022	94	1:1	95,400	37.92%	4,000	7,780	-0.26%	4,937	1.58	59,000	55,000	55,700
CHPG2110	12/6/2021	59	5:1	234,900	37.92%	2,400	3,070	-0.32%	2,442	1.26	56,000	44,000	55,700
CVHM2110	3/7/2022	150	7.59:1	461,400	33.80%	1,800	1,310	-0.76%	718	1.82	98,654	84,994	79,900
CTCB2105	5/4/2022	208	5:1	250,700	38.54%	3,600	3,250	-0.91%	1,917	1.70	63,000	45,000	50,700
CHPG2113	3/7/2022	150	4:1	843,900	37.92%	2,400	3,080	-0.96%	2,036	1.51	61,100	51,500	55,700
CVRE2106	1/6/2022	90	2:1	351,300	38.43%	2,300	2,090	-1.88%	1,489	1.40	39,500	28,000	29,150
CSTB2106	12/2/2021	55	10:1	1,704,100	45.92%	1,500	400	-2.44%	8	52.29	50,678	35,678	25,700
CVPB2108	7/3/2022	268	5:1	1,585,800	38.84%	2,200	2,240	-2.61%	9	241.12	75,500	64,500	35,900
CMWG2107	1/6/2022	90	5:1	384,000	36.33%	6,600	7,320	-3.30%	233	31.37	198,000	165,000	128,800
CHPG2111	1/6/2022	90	5:1	2,004,100	37.92%	1,700	2,800	-3.45%	1,863	1.50	56,500	48,000	55,700
CVPB2106	1/19/2022	103	5:1	352,900	38.84%	2,500	2,360	-3.67%	1	1,638.89	77,500	65,000	35,900
CSTB2109	3/7/2022	150	2:1	424,100	45.92%	2,300	1,550	-4.91%	991	1.56	33,600	29,000	25,700
CVRE2109	3/7/2022	150	4:1	597,700	38.43%	1,100	1,110	-5.13%	798	1.39	33,400	29,000	29,150
Tổng				13,981,000	36.95%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 08/10/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CFPT2103 và CKDH2106 tăng mạnh lần lượt là 21.15% và 13.68%. Giá trị giao dịch tăng 22.73%. CHPG2111 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.37% thị trường.
- CMSN2105, CVIC2105, CPNJ2105, CFPT2105, và CPNJ2106 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CHPG2109, và CHPG2111 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2105, CFPT2105, và CMSN2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	128.8	0.6%	0.9	3,992	8.4	6,428	20.0	5.0	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	99.5	2.6%	1.0	984	2.8	5,812	17.1	4.0	48.2%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	61.2	-1.1%	1.4	1,975	4.5	2,522	24.3	2.2	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	46.0	-2.1%	0.5	447	1.0	3,491	13.2	1.4	55.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	89.3	0.6%	0.7	14,774	5.0	1,767	50.6	3.7	13.8%	7.7%
VRE	Bất động sản	29.2	-0.5%	1.1	2,880	4.1	1,195	24.4	2.2	29.6%	9.3%
VHM	Bất động sản	79.9	-0.1%	1.0	15,127	12.1	7,714	10.4	3.6	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	20.8	-0.5%	1.3	539	3.8	1,379		1.5	28.9%	11.0%
SSI	Chứng khoán	40.9	0.4%	1.5	1,745	12.1	1,861	21.9	3.6	44.4%	16.5%
VCI	Chứng khoán	61.5	1.7%	1.0	890	9.5	3,466	17.7	3.9	20.0%	25.4%
HCM	Chứng khoán	48.7	-0.6%	1.6	646	21.4	2,899	16.8	3.1	47.6%	19.4%
FPT	Công nghệ	98.9	4.9%	0.9	3,902	35.3	4,234	23.4	5.3	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	83.1	2.2%	0.4	1,186	0.2	4,304	19.3	5.8	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	112.4	1.3%	1.3	9,353	8.9	4,077	27.6	4.6	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	53.9	-0.2%	1.5	2,978	2.3	3,216	16.8	2.7	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	28.4	0.0%	1.7	590	7.6	1,136	25.0	1.1	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	21.2	3.4%	0.8	2,858	12.8	(909)		2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.7	-0.2%	0.3	567	0.1	5,761	17.3	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	37.4	-2.6%	0.8	636	15.5	2,903	12.9	1.7	9.7%	13.6%
DCM	Hóa chất	28.3	-3.1%	0.7	650	7.4	1,169	24.2	2.2	3.8%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.0	0.2%	1.1	15,642	2.9	5,534	17.5	3.4	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.2	0.1%	1.3	6,855	1.7	2,464	15.9	1.9	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	29.5	0.3%	1.4	6,153	8.5	3,417	8.6	1.5	24.5%	19.0%
VPB	Ngân hàng	35.9	0.7%	1.2	6,939	10.6	2,807	12.8	2.6	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	27.7	0.2%	1.2	4,550	9.7	2,764	10.0	2.0	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	31.5	0.8%	1.0	3,695	4.8	3,589	8.8	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.1	0.2%	0.7	189	0.1	4,762	11.2	1.9	83.6%	16.4%
NTP	Nhựa	50.6	-0.8%	0.4	259	0.0	4,085	12.4	2.2	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	24.8	-0.8%	0.7	1,185	1.2	39	635.9	1.9	10.1%	0.3%
HPG	Thép	55.7	0.2%	1.1	10,832	52.6	5,616	9.9	3.4	25.7%	39.8%
HSG	Thép	47.7	0.1%	1.4	1,022	15.2	7,745	6.2	2.4	11.9%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	89.6	0.9%	0.6	8,142	10.1	4,572	19.6	5.9	54.8%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	162.7	2.6%	0.8	4,536	1.0	7,293	22.3	5.0	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	145.5	2.7%	0.9	7,468	6.3	1,787	81.4	8.0	32.3%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.3	1.4%	1.2	583	4.4	1,070	19.9	1.7	9.7%	8.5%
ACV	Vận tải	85.0	-1.2%	0.8	8,045	0.3	577	147.3	4.9	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	128.9	0.1%	1.1	3,035	4.0	279		4.1	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	26.1	0.6%	1.7	2,517	1.0	(7,644)		N/A	N/A	-155.4%
GMD	Vận tải	51.2	3.0%	1.0	671	11.0	1,357	37.7	2.5	41.4%	6.7%
PVT	Vận tải	24.6	-0.4%	1.4	345	4.5	2,487	9.9	1.6	13.7%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	127.1	-0.9%	0.9	884	1.0	9,519	13.4	4.8	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.9	-2.0%	0.4	680	1.1	2,098	16.6	2.4	4.2%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.0	1.0%	0.9	415	3.8	1,653	15.1	1.7	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	70.3	-0.3%	1.0	226	0.6	2,005	35.1	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	19.0	0.8%	0.6	197	3.1	127	149.4	1.0	21.8%	0.6%
REE	Điện	70.5	-1.1%	-1.4	947	2.2	5,807	12.1	1.8	49.0%	15.8%
PC1	Điện	39.0	-0.6%	-0.4	324	2.8	3,445	11.3	1.7	8.1%	17.5%
POW	Điện	12.5	-1.6%	0.6	1,268	10.0	1,079	11.5	1.0	2.9%	8.7%
NT2	Điện	22.0	-1.8%	0.5	275	1.3	1,093	20.1	1.5	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	45.6	-0.9%	1.1	1,130	13.2	1,808	25.2	2.1	17.3%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	45.0	0%	1.0	2,023	0.1			3.0	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	145.50	2.68	1.20	1.01MLN
FPT	98.90	4.88	1.12	8.31MLN
GAS	112.40	1.26	0.72	1.83MLN
SAB	162.70	2.59	0.70	147700
TCB	50.70	1.40	0.66	7.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.59	3.44MLN	1.11MLN
BVH	0.00	-0.14	1.69MLN	607060
DCM	0.00	-0.13	5.93MLN	373600
POW	0.00	-0.13	18.39MLN	192700
VHM	0.00	-0.12	3.47MLN	611640

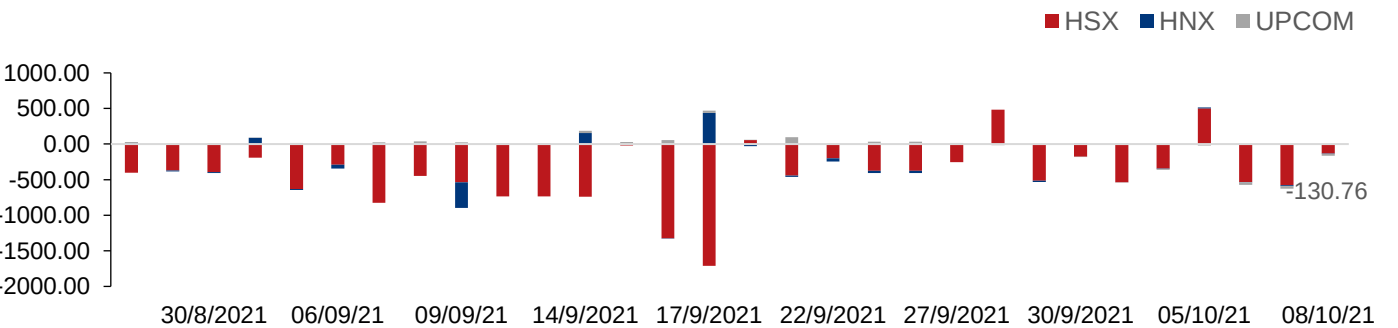
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	31.35	7.00	0.01	330700.00
HRC	61.20	6.99	0.03	100
VNL	30.05	6.94	0.01	308500
TTE	9.87	6.93	0.01	600
NBB	41.75	6.91	0.07	476900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	32.95	-6.92	-0.02	11600
HAP	14.60	-5.81	-0.01	1.24MLN
BTP	16.45	-4.36	-0.01	14100.00
SJF	8.60	-4.23	-0.01	4.50MLN
PIT	6.61	-4.20	0.00	19000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	31.5	3,589	8.8	2.1	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	31.7	1,686	18.8	1.7	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.9	566	21.0	1.2	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.8	-411		1.0	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	51.1	3,949	12.9	2.1	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	29.5	3,417	8.6	1.5	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	58.6	10,677	5.5	1.4	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	28.3	1168.9	24.2	2.2	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	150.6	5,868	25.7	5.8	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	115.9	4,602	25.2	7.4	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	59.4	4,905	12.1	3.2	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	37.4	2,903	12.9	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.3	2,868	11.6	2.3	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	20.8	1,379		1.5	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	98.9	4,234	23.4	5.3	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	112.4	4,077	27.6	4.6	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.7	1,180	31.9	3.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	55.7	5,616	9.9	3.4	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	47.7	7,745	6.2	2.4	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.6	-1,169		1.0	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	22.4	1,860	12.0	1.5	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	43.6	1,966	22.2	3.1	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.4	6,776	7.9	1.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	87.9	6,547	13.4	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	128.8	6,428	20.0	5.0	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	48.3	6,786	7.1	2.3	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	44.0	3,926	11.2	1.9	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.0	1,093	20.1	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	39.0	3,445	11.3	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.5	5,812	17.1	4.0	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.5	1,079	11.5	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.6	0	1072.2	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.4	1,136	25.0	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.3	1,070	19.9	1.7	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	38.5	1,064	36.2	3.9	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	54.6	15635.6	3.5	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.7	4,613	11.0	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.0	5,534	17.5	3.4	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.9	570	36.7	1.7	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	57.2	4,035	14.2	1.9	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	79.9	7,714	10.4	3.6	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	89.6	4,572	19.6	5.9	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	35.9	2,807	12.8	2.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.2	1,195	24.4	2.2	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	62.5	5,006	12.5	1.8	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.1	3,256	25.5	7.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639